

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2022

"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ- TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Nhỏ và bà Phạm Thị H Cẩm.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 31/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Ngọc B, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn 2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn 2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Phan Thị Ngọc B trình bày: Chị B và anh Nguyễn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện An Khê (nay là huyện Đ), tỉnh Gia Lai vào ngày 29/10/1993.

Cuộc sống chung của vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào khoảng 10 năm trước đây. Nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, cờ bạc gây nợ nần, về nhà gây sự, đánh đập vợ. Vì con chị B đã cố gắng chịu đựng nhưng tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân nhau phần ai nấy sống từ tháng 9/2019. Thời gian gần đây chị B đau bệnh nhưng anh H không quan tâm, vẫn tiếp tục gây sự, đánh đập chị. Chị B cảm thấy giữa chị và anh H không còn tình cảm gì với nhau nữa, cuộc sống vợ chồng thực sự không có hạnh phúc nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn để chấm dứt sự ràng buộc với nhau về mặt pháp lý.

Về con chung: Chị Phan Thị Ngọc B và anh Nguyễn H có 02 con chung là Nguyễn Thị B Ngọc, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị B Thủy, sinh năm 1995. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết phần con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

[2]. Bị đơn là anh Nguyễn H trình bày: Anh H và chị Phan Thị Ngọc B kết hôn với nhau năm 1992 nhưng đến năm 1993 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện An Khê (nay là huyện Đ), tỉnh Gia Lai.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại thôn 2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn khoảng hai năm gần đây. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị B hay theo bạn bè đi chơi, anh H không đồng ý nên có lời qua tiếng lại, to tiếng với nhau. Vì con hai bên đã cố gắng khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên cách đây khoảng một năm chị B đã về nhà cha mẹ đẻ ở Mang Yang sống, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ và ly thân với nhau. Anh H đã nhiều lần đề nghị chị B quay về sống chung nhưng chị B không đồng ý.

Anh H xét thấy vợ chồng đã lớn tuổi, sống với nhau có con chung và mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn nên không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị B, đề nghị Tòa xét xử cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị B Ngọc, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị B Thủy, sinh năm 1995. Hiện nay các con đã trưởng thành và tự lực được, đều đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

[3]. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/01/2022 các tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 Đơn khởi kiện (Bản chính); 01 trích lục kết hôn (Bản sao); 01 xác nhận thông tin về cư trú (Bản sao); 03 Bản sao khai sinh; 01 sổ hộ khẩu gia đình (Bản sao chứng thực); 01 bản tự khai ngày 12/10/2021; 01 Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân. Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn H (Bản sao); 01 bản tự khai ngày 05/01/2022. Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn H có nơi cư trú ở thôn 2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vì vậy nguyên đơn Phan Thị Ngọc B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa ngày 31/3/2022 chị Phan Thị Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc B và anh Nguyễn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện An Khê (nay là huyện Đ), tỉnh Gia Lai vào ngày 29/10/1993. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Ngọc B: Phía nguyên đơn là chị B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, cờ bạc gây nợ nần, về nhà gây sự, đánh đập vợ, khi chị B đau bệnh cũng không quan tâm. Còn bị đơn là anh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là chị B hay theo bạn bè đi chơi, anh H không đồng ý nên có lời qua tiếng lại, to tiếng với nhau. Lẽ ra khi có mâu thuẫn hai bên phải cùng nhau tháo gỡ, giải quyết những vướng mắc đó để xây dựng cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên cả hai đã không làm được điều đó, dẫn đến tình trạng vợ chồng căng thẳng hơn, việc chị B về nhà cha mẹ để sống tạo thêm khoảng cách về tình cảm ngày càng lớn, không hàn gắn được. Mặc dù anh H có yêu cầu đoàn tụ nhưng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã không thể hiện rõ thiện chí của mình, chị B cảm thấy không tin tưởng ở anh H nữa nên vẫn cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh H như vậy là đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: Chị B và anh H khai các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5]. Về tài sản chung: Chị B và anh H khai vợ chồng có một số tài sản chung nhưng hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị B và anh H khai vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Trong vụ án này chị Phan Thị Ngọc B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc B. Chị Phan Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn H.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phan Thị Ngọc B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị B đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004008 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị Phan Thị Ngọc B đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã H1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Yến Ngọc